

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ
VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2024/DS-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Chí

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2023/TLST-DS30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M, gọi tắt là “VID”; địa chỉ: Tầng B, số H đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số B đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ý quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Số B đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Dương Minh H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số D Đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2023, bản tự khai và các lần làm việc tại tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/01/2008, ông Dương Minh H có ký với Công ty TNHH một thành viên T1 – gọi tắt là Công ty T1 (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH một thành viên S – gọi tắt là Công ty T2) hợp đồng tín dụng, theo đó Công ty cho ông H vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời

hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 1,07%/tháng, lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ gốc và lãi được trả thành 48 kỳ.

Thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán tổng số tiền là 85.588.800 đồng, trong đó nợ gốc là 48.595.700 đồng và nợ lãi trong hạn là 36.993.100 đồng rồi ngưng không thanh toán.

Ngày 09/9/2022 Công ty T1 đã ký hợp đồng mua bán nợ để bán khoản nợ trên của ông H cho Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không thanh toán. Do đó Công ty M khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là 111.368.458 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn 21.404.300 đồng, nợ lãi quá hạn 2.042.600 đồng, lãi phạt chậm thanh toán 82.598.558 đồng, chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm: chi phí giấy tờ: 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu: 200.000 đồng; Chi phí di chuyển: 800.000 đồng; Chi phí nhân sự: 4.300.000 đồng).

Ngày 24/01/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải chịu chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm: chi phí giấy tờ: 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu: 200.000 đồng; Chi phí di chuyển: 800.000 đồng; Chi phí nhân sự: 4.300.000 đồng).

Ngày 23/4/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi phạt là 82.598.558 đồng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 08/5/2024 là 22.446.900 đồng, trong đó nợ gốc là 21.404.300 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.042.600 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/5/2024 ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023 và các lần làm việc tại tòa ông Dương Minh H là bị đơn trình bày:

Năm 2008, ông có ký với Công ty T1 hợp đồng tín dụng để vay số tiền 70.000.000 đồng. Sau mấy năm đóng gốc và lãi cho Công ty ông còn nợ lại số nợ gốc là 21.404.300 đồng.

Ông xác nhận tính đến ngày 05/12/2023 ông còn nợ nguyên đơn số tiền là 106.045.458 đồng, trong đó nợ gốc là 21.404.300 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.042.600 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 82.598.558 đồng.

Nay ông đề nghị nguyên đơn bỏ tiền lãi phạt chậm thanh toán là

82.598.558 đồng cho ông, còn số tiền nợ gốc và lãi quá hạn ông xin được trả trong thời hạn 01 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Do một bên hay các bên đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện do đó Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quyền khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 được ký kết giữa Công ty T1 (nay đổi tên thành Công ty tài chính S) với Công ty M thì Công ty T1 đã bán các khoản nợ tín dụng và chuyển giao quyền yêu cầu khởi kiện các khách hàng trong đó có ông Dương Minh H cho Công ty M. Do đó Hội đồng xét xử xác định Công ty M có quyền khởi kiện ông H theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2023 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ còn thiếu là 111.368.458 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn 21.404.300 đồng, nợ lãi quá hạn 2.042.600 đồng, lãi phạt chậm thanh toán 82.598.558 đồng, chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm: chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng).

Ngày 24/01/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải chịu chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm: chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng).

Ngày 23/4/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi phạt là 82.598.558 đồng.

Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **H** phải thanh toán số nợ tính đến ngày 08/5/2024 là 22.446.900 đồng, trong đó nợ gốc là 21.404.300 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.042.600 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 03/01/2008 và lời thừa nhận của các đương sự thể hiện ông **Dương Minh H** được **Công ty TNHH T1** cho vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 1,07%/tháng, lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số 01 thì ông **H** phải thanh toán cho nguyên đơn 48 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 01/02/2008, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 01/01/2012 nhưng ông **H** chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 85.588.800 đồng, trong đó nợ gốc là 48.595.700 đồng và nợ lãi trong hạn là 36.993.100 đồng rồi ngưng không thanh toán. Như vậy ông **H** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông **H** thanh toán số tiền nợ tính đến 08/5/2024 là 22.446.900 đồng, trong đó nợ gốc là 21.404.300 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.042.600 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thời hạn thanh toán: Mặc dù bị đơn có yêu cầu trả số tiền trên trong thời hạn 01 năm nhưng nguyên đơn không đồng ý, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận thanh toán của các bên nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 09/5/2024 ông **H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[2] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.122.345 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 149, Điều 365 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông **Dương Minh H** phải có trách nhiệm trả cho **Công ty TNHH M** số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 22.446.900 đồng, trong đó nợ gốc là 21.404.300 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.042.600 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/5/2024 ông **Dương Minh H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm: chi phí giấy tờ: 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu: 200.000 đồng; Chi phí di chuyển: 800.000 đồng; Chi phí nhân sự: 4.300.000 đồng) và tiền lãi phạt là 82.598.558 đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.122.345 đồng ông **Dương Minh H** phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho **Công ty TNHH M** là 2.784.212 đồng theo biên lai thu số 0012668 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung